

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

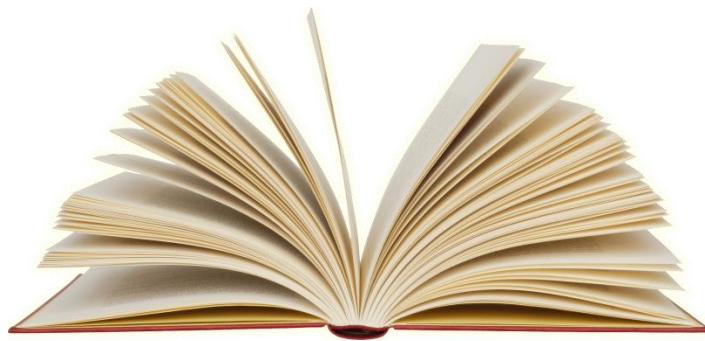


KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA

Ngành Quản trị kinh doanh

Niên khóa: 2022 – 2025 (C22A)

Trình độ: Cao đẳng



TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 08 NĂM 2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Xây dựng theo Thông tư số: 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

I. Thông tin ngành nghề:

- Tên ngành nghề: Quản trị kinh doanh
- Mã ngành nghề: 6340404
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Loại hình đào tạo: Đào tạo theo tín chỉ
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương
- Thời gian đào tạo: 2,5 năm học (hoặc 5 học kỳ)
- Số tín chỉ: 94
- Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Kỹ sư thực hành

II. Mục tiêu đào tạo:

1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cử nhân thực hành bậc cao đẳng ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu, hiểu biết, vận dụng tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kiến thức:

- Có kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn để giải quyết những vấn đề liên quan đến các hoạt động tác nghiệp và công tác quản trị tại các tổ chức;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về kinh tế học, quản trị học, pháp luật kinh tế, marketing căn bản, thuế, kế toán cơ bản;

- Nhận thức được hoạt động quản trị trong môi trường kinh doanh của doanh nghiệp;
- Nhận biết được những khác biệt về thái độ, giá trị và hành vi của con người trong môi trường làm việc.
- Xác định được các quy trình và nội dung công việc tại doanh nghiệp;
- Vận dụng được những kiến thức chuyên môn đã học trong quản trị doanh nghiệp;
- Cập nhật được các quy định, chính sách liên quan đến về hoạt động doanh nghiệp;
- Vận dụng kiến thức về ngoại ngữ và công cụ tin học để ứng dụng trong hoạt động doanh nghiệp.

b) Về kỹ năng:

❖ *Kỹ năng cứng:*

- Hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng đào tạo, đánh giá nhân viên theo cách chuyên nghiệp và hiện đại;
- Tổ chức và kiểm soát trong sản xuất từ việc thiết kế sản phẩm đến bố trí mặt bằng, hoạch định nhu cầu nguyên liệu, điều độ sản xuất và quản lý hàng tồn kho trong các doanh nghiệp;
- Xây dựng hệ thống sản xuất của các doanh nghiệp có độ linh hoạt cao. Kiểm soát và đánh giá chất lượng các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất và đầu ra của sản phẩm đảm bảo theo yêu cầu của khách hàng;
- Khảo sát, nghiên cứu thị trường và phân tích môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Tham gia thực hiện và kiểm tra chiến lược và kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp;
- Xây dựng, thẩm định, quản lý dự án đầu tư trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

❖ *Kỹ năng mềm:*

- Có khả năng giao tiếp xã hội, làm việc hiệu quả theo nhóm;

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm tự nâng cao trình độ, thích nghi với sự phát triển của xã hội;
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) của Việt Nam;
- Ứng dụng các kỹ năng tin học vào công việc đạt trình độ IC3 (sử dụng máy tính và internet) hoặc kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/03/2014).

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;
- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.
- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp;
- Cẩn thận và trách nhiệm trong công việc;
- Có đủ sức khỏe để lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp; Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng & an ninh.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc cho tất cả các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ với các vị trí cụ thể như:

- Nhân viên kinh doanh;
- Nhân viên phòng nhân sự;
- Nhân viên phòng sản xuất;
- Nhân viên nghiên cứu thị trường, marketing;

- Nhân viên hành chính;
- Nhân viên phòng tài chính, kế toán, kế hoạch;
- Nhân viên QC, QA;
- Nhân viên phụ trách công tác thống kê, dự báo;
- Nhân viên phụ trách E – Commerce;
- Thư ký văn phòng, thư ký giám đốc;
- Nhân viên phòng vật tư;

Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân trong các lĩnh vực sau: Quản trị nguồn nhân lực; Quản trị sản xuất; Quản trị chất lượng; Marketing; Nghiên cứu marketing và Quản trị Marketing; Quản trị chuỗi cung ứng; Quản trị hành chính văn phòng; Quản trị bán hàng;

IV. Phân bổ chương trình đào tạo:

ST T	Mã MH	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Lý thuyết	Thực hành, bài tập	Thi, kiểm tra	Phân bổ thời gian học (giờ)							Loại môn học
								Năm thứ 1			Năm thứ 2			N. 3	
								HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	
1	MH05	Tiếng Anh	6	120	42	72	6	120							Môn chung
2	MH01	Tin học	3	75	15	58	2	75							Môn chung
3	MH07	Quản trị học	3	60	27	30	3	60							Môn Cơ sở ngành
4	MH08	Kinh tế học	3	60	27	30	3	60							Môn Cơ sở ngành
5	MH04	Giáo dục chính trị	5	75	70	0	5	75							Môn chung
6	MH03	Pháp luật	2	30	18	10	2	30							Môn chung
7	MH10	Soạn thảo văn bản	2	45	13	30	2	45							Môn Cơ sở ngành
8	MH11	Nguyên lý kế toán	2	45	13	30	2	45							Môn Cơ sở ngành
9	MH12	Marketing cơ bản	2	45	13	30	2	45							Môn Cơ sở ngành
10	MH13	Thuế	2	45	13	30	2	45							Môn Cơ sở ngành
11	MH14	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	30	28	0	2	30							Môn Cơ sở ngành
12	MH17	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3	75	15	56	4	75							Môn Chuyên ngành
13	MH09	Pháp luật kinh tế	2	45	13	30	2		45						Môn Cơ sở ngành
14	MH16	Thị trường chứng khoán	2	45	13	30	2		45						Môn Chuyên ngành
15	MH21	Quản trị tài chính	2	45	13	30	2		45						Môn Chuyên ngành
16	MH02	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4			60					Môn chung
17	MH18	Kế toán doanh nghiệp	3	60	27	30	3			60					Môn Chuyên ngành
18	MH19	Kỹ thuật ngoại thương	3	60	27	30	3			60					Môn Chuyên ngành
19	MH22	Quản trị sản xuất	2	45	13	30	2			45					Môn Chuyên ngành
20	MH23	Quản trị hành chính văn phòng	2	45	13	30	2			45					Môn Chuyên ngành
21	MH24	Kế toán quản trị	3	60	27	30	3			60					Môn Chuyên ngành
22	MH25	Quản trị nguồn nhân lực	2	45	13	30	2			45					Môn Chuyên ngành
23	MH31	Quản trị chuỗi cung ứng	2	45	13	30	2			45					Môn Chuyên ngành
24	MH35	Quản trị rủi ro													Môn Chuyên ngành
25	MH06	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4			75					Môn chung
26	MH20	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	45	13	30	2			45					Môn Chuyên ngành
27	MH27	Thương mại điện tử	2	45	13	30	2			45					Môn Chuyên ngành
28	MH30	Nghiên cứu marketing	2	45	13	30	2			45					Môn Chuyên ngành
29	MH32	TQM và LEAN	2	45	13	30	2			45					Môn Chuyên ngành
30	MH33	Tâm lý học quản lý													Môn Chuyên ngành
31	MH34	Hệ thống thông tin quản lý													Môn Chuyên ngành
32	MĐ01	Thực tập nghiệp vụ văn phòng	4												Môn Chuyên ngành
		TTVNWP - P.1: Nghiệp vụ văn phòng		60	0	59	1			60					Môn Chuyên ngành
		TTVNWP - P.2: Nghiệp vụ quản trị		60	0	59	1			60					Môn Chuyên ngành
		TTVNWP - P.3: Nghiệp vụ Marketing và Bán hàng		60	0	58	2			60					Môn Chuyên ngành
33	MH15	Anh văn chuyên ngành	3	60	27	30	3				60				Môn Chuyên ngành
34	MH28	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	2	45	13	30	2				45				Môn Chuyên ngành
35	MH29	Quản trị bán hàng	2	45	13	30	2				45				Môn Chuyên ngành
36	MH26	Quản trị chất lượng	2	45	13	30	2					45			Môn Chuyên ngành
37	MĐ02	Thực tập doanh nghiệp	4												Môn Chuyên ngành
		TTDN - P.1: Marketing - kinh doanh		60	0	59	1							60	Môn Chuyên ngành
		TTDN - P.2: Hành chính - nhân sự		60	0	59	1							60	Môn Chuyên ngành
		TTDN - P.3: Chất lượng - sản xuất		60	0	58	2							60	Môn Chuyên ngành
38	MĐ03	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	220	5							225	Môn Chuyên ngành
Tổng cộng			94	2,295	625	1,574	96	315	390	135	420	435	150	450	

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Trâm